

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày 29-3-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Ông Võ Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2023/TLST- DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Mã Hà Bửu N** – Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023) (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông **Trần Văn L**, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Mã Hà Bửu N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để trồng nhãn, tiêu dùng đời sống, ông Trần Văn L và ông Trần Văn T với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng có ký hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-202000118 ngày 04/02/2020, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 04/02/2020, hạn mức tín dụng (cho vay) là 100.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ ngày 04/02/2020, số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 04/02/2021, lãi suất trong hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25% và giấy nhận nợ ngày 04/02/2020, số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 04/02/2021, lãi suất trong hạn là 11%, lãi suất quá hạn là 16,5%, hạn trả nợ ngày 04/02/2021 trả gốc 100.000.000 đồng, lãi cuối kỳ, tính đến ngày 29/3/2024 ông Trần Văn L và ông Trần Minh T còn nợ số tiền gốc và lãi là: Gốc: 100.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 40.017.124 đồng. Lãi quá hạn: 16.133.219 đồng. Cộng nợ gốc lãi: 156.150.342 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Trần Văn L và ông Trần Minh T có trách nhiệm hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-202000118 ngày 04/02/2020 cho Ngân hàng N, tạm tính đến ngày 29/3/2024 tổng cộng nợ gốc, lãi là 156.150.342 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông L và ông T trả tất nợ cho Ngân hàng.

Khi cho vay, Ngân hàng có nhận giữ (không có đăng ký thế chấp, giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971049 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/9/1997. Khi ông Trần Văn L và ông Trần Minh T trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971049 cho ông Trần Văn L và ông Trần Minh T.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn ông Trần Văn L và ông Trần Minh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện C, nên ông L và ông T đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nhưng ông L và ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng N.

Tòa án nhân dân huyện C đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Trần Văn L và ông Trần Minh T tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông L và ông T vắng mặt không có lý do và ông L và ông T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân

theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu ông L và ông T trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Khi ông Trần Văn L và ông Trần Minh T trả tất nợ theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, buộc Ngân hàng trả lại cho ông Trần Văn L và ông Trần Minh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971049 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/9/1997 mà ông Trần Văn L và ông Trần Minh T đã giao cho Ngân hàng giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 của Ngân hàng N (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn ông Trần Văn L và ông Trần Minh T (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để trông nhàn và tiêu dùng đời sống. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn trong vụ án là ông Trần Văn L và ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, ông Mã Hà Bửu N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng N yêu cầu ông L và ông T chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng

N số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 29/3/2024, tiền lãi trong hạn 40.017.124 đồng, tiền lãi quá hạn 16.133.219 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/3/2024 cho đến ngày ông L và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người diện hợp pháp của nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Trần Văn L và ông Trần Minh T vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-202000118, ngày 04/02/2020. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng N không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-202000118 ngày 04/02/2020 của Ngân hàng N:

Vào ngày 04/02/2020, Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Trần Văn L và ông Trần Minh T vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để trồng nhãn, tiêu dùng đời sống, theo giấy nhận nợ ngày 04/02/2020, số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 04/02/2021, lãi suất trong hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25% và giấy nhận nợ ngày 04/02/2020, số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 04/02/2021, lãi suất trong hạn là 11%, lãi suất quá hạn là 16,5%. Đến ngày 04/02/2021, ông Trần Văn L và ông Trần Minh T không trả nợ theo đúng hợp đồng, tính đến ngày 29/3/2024 số tiền gốc và lãi là: Gốc: 100.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 40.017.124 đồng. Lãi quá hạn: 16.133.219 đồng. Cộng nợ gốc lãi: 156.150.342 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông L và ông T trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-202000118 ngày 04/02/2020, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng N đã giải ngân cho ông L và ông T nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, cho nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Ông L và ông T thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy ông L và ông T là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông L và ông T chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/3/2024 là 56.150.342 đồng, tổng

cộng là 156.150.342 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông L và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Khi cho vay, Ngân hàng có nhận giữ (không có đăng ký thế chấp, giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971049 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/9/1997. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày, khi ông Trần Văn L và ông Trần Minh T trả tất nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Trần Văn L và ông Trần Minh T. Hội đồng xét xử xét thấy, để giải quyết dứt điểm vụ án, thì khi ông Trần Văn L và ông Trần Minh T trả tất nợ theo hợp đồng vay cho Ngân hàng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971049 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn L và ông Trần Minh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Trần Văn L và ông Trần Minh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.807.517 đồng; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Trần Văn L và ông Trần Minh T có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Văn L và ông Trần Minh T chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/3/2024 là 156.150.000 đồng (*một trăm năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày 30/3/2024 ông L và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông L và ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.903.750 đồng (*ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) nhưng ông L là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên ông L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm của ông L là 3.903.750 đồng (*ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; ông Trần Minh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.903.750 đồng (*ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*); Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.510.000 đồng (*ba triệu năm trăm mười nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000021 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Trần Văn L và ông Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Hướng